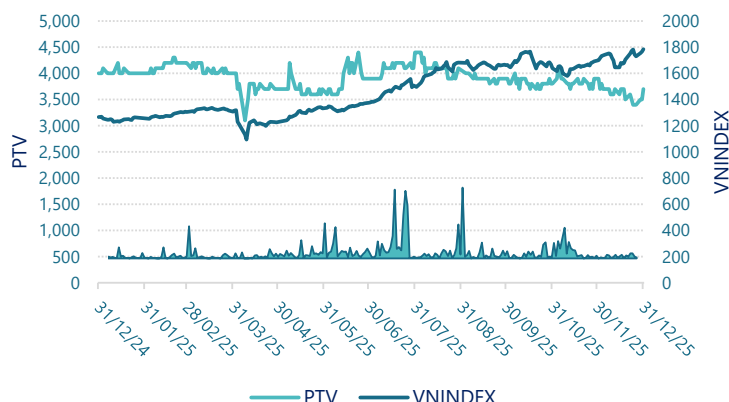


CTCP Thương mại Dầu khí (UPCOM: PTV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,100
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,500
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	74
P/E	-24.1
EPS	-153

DT thuần

Q4/25

38.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.40 | 12.8%

YoY: ▼ 686 | -94.7%

LN sau thuế

Q4/25

0.84

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.00 | 172%

YoY: ▼ 2.69 | -76.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-0.1%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

2025

120

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 696 | -85.2%

LN sau thuế

2025

-1.19

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 3.42 | -153%

ROE

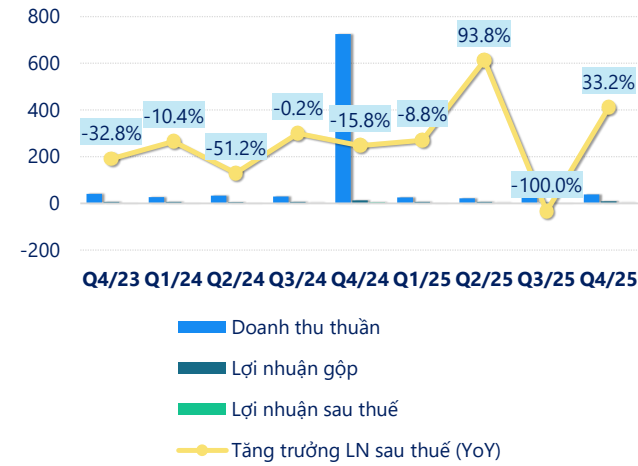
2025

-1.4%

+/- YoY: ▼ 1.5%

tỷ VNĐ

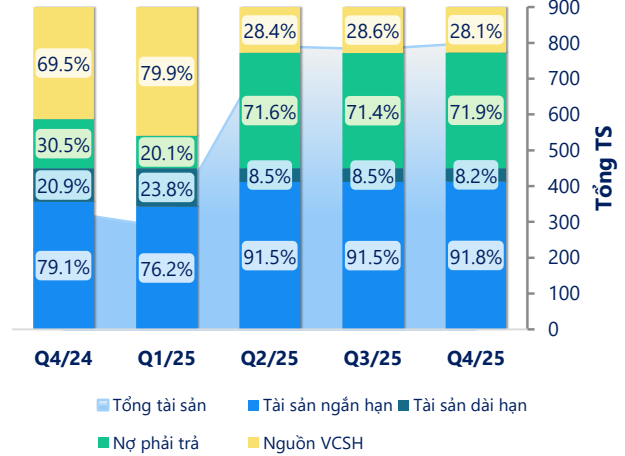
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

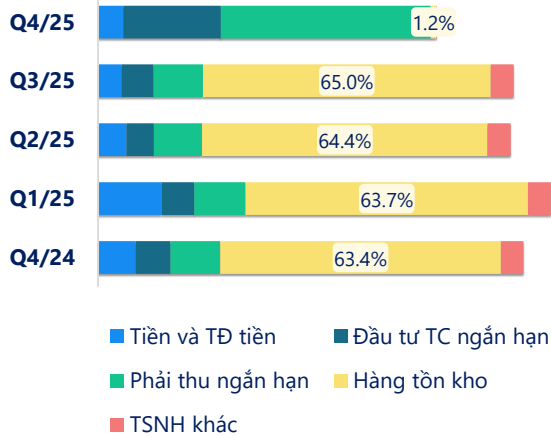
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



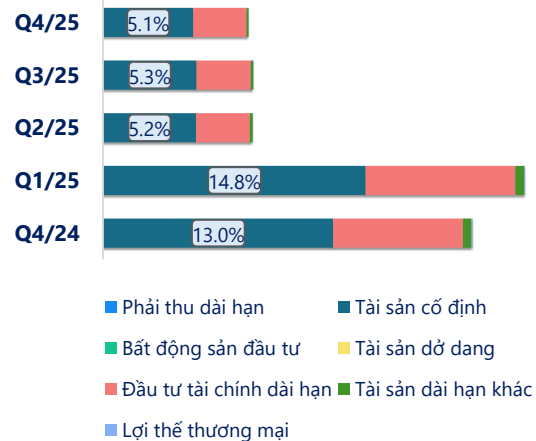
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

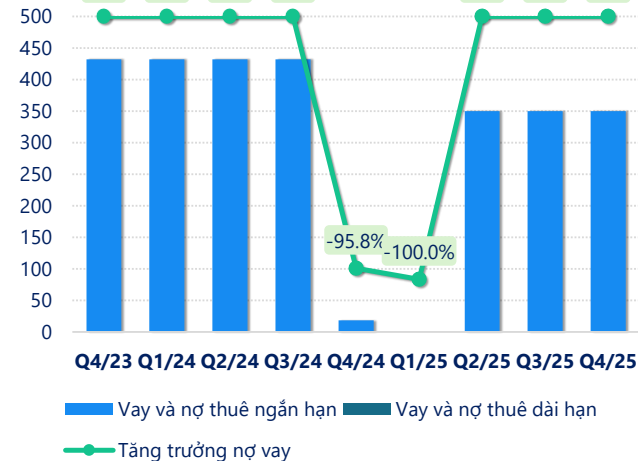
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

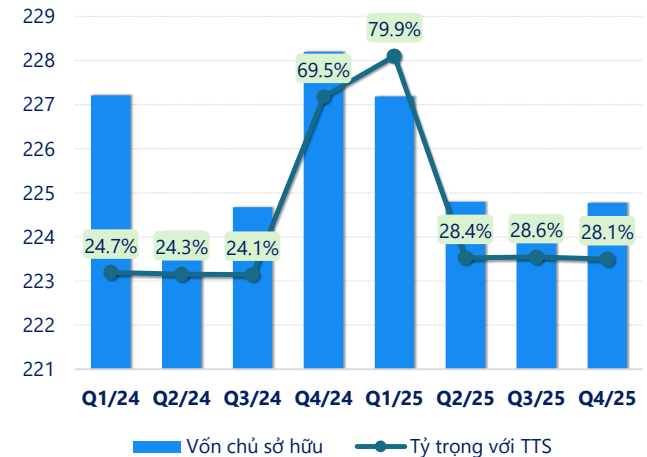
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

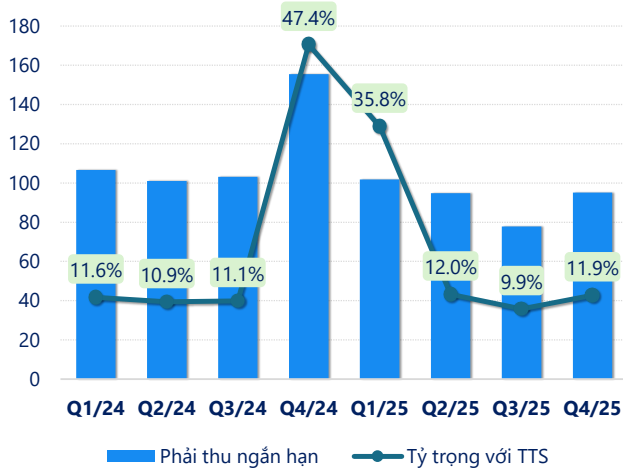
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



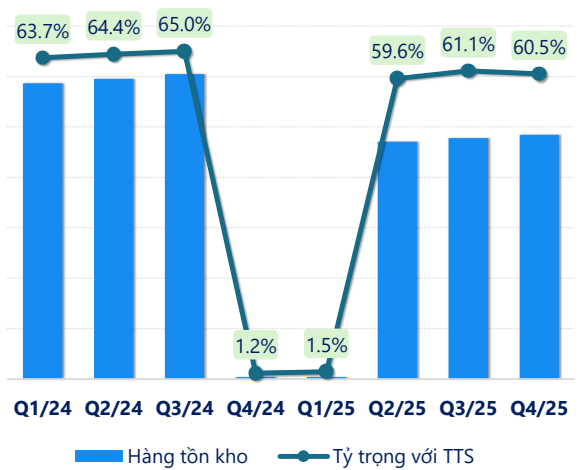
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


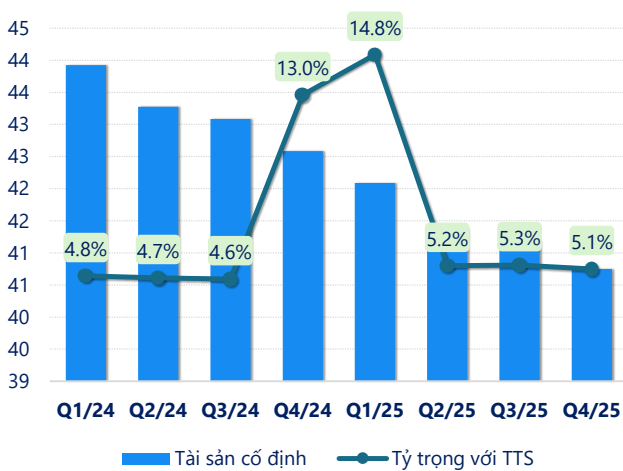
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


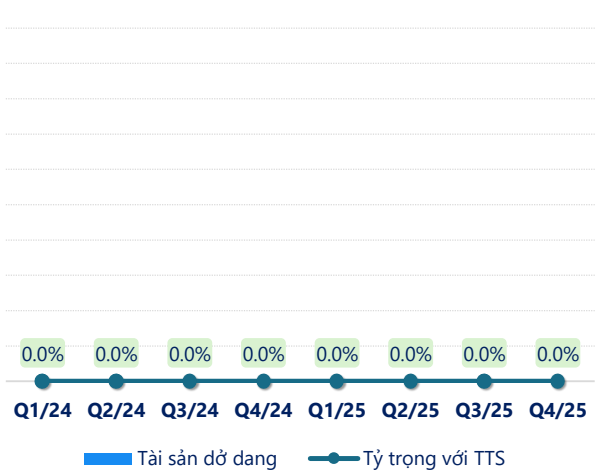
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

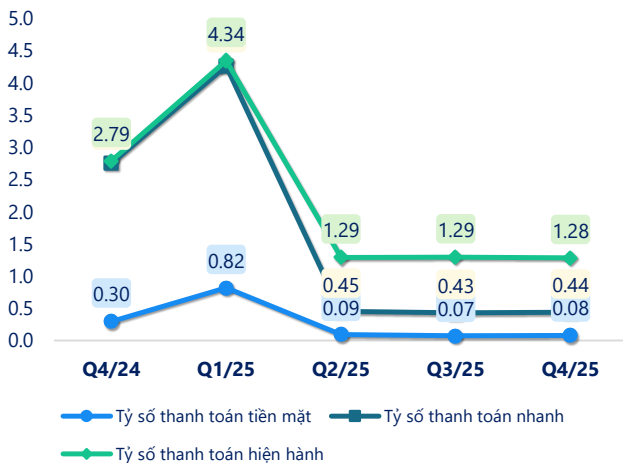
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

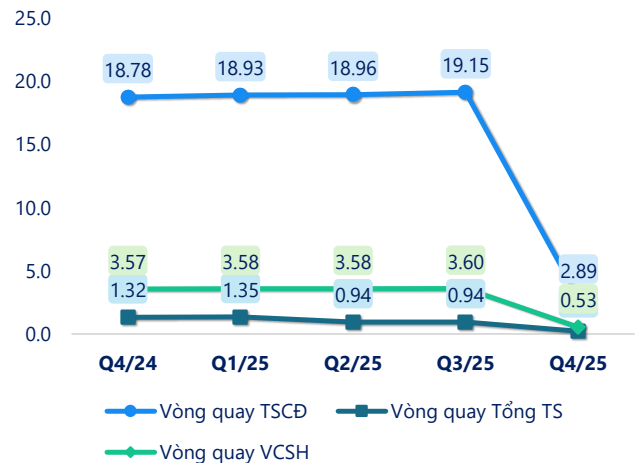
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	328	284	790	782	800
Tài sản ngắn hạn	260	217	723	716	734
Tiền và tương đương tiền	27.6	40.8	50.4	41.0	45.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	72.3	68.6	69.1	81.1	71.2
Phải thu ngắn hạn	155	102	94.9	77.7	95.1
Hàng tồn kho	3.90	4.17	471	478	484
Tài sản ngắn hạn khác	0.49	1.36	38.1	38.0	38.1
Tài sản dài hạn	68.5	67.8	66.8	66.4	65.8
Phải thu dài hạn	0.07	0.07	0.08	0.07	0.07
Tài sản cố định	42.6	42.1	41.4	41.2	40.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	24.0	24.0	24.0	24.0	24.0
Tài sản dài hạn khác	1.62	1.46	1.32	1.16	1.02
Lợi thế thương mại	0.18	0.13	0.08	0.03	0
Nợ phải trả	100	57.2	565	558	575
Nợ ngắn hạn	93.1	49.9	560	553	572
Vay và nợ thuê ngắn hạn	18.2	0	350	350	350
Phải trả người bán ngắn hạn	19.2	24.5	122	20.7	30.5
Nợ dài hạn	6.95	7.33	5.17	5.17	3.24
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	228	227	225	224	225
Vốn chủ sở hữu	228	227	225	224	225
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)